

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI  
XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN BÁO ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 28



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thiên Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Quang Hòa	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2018)
Bà Nguyễn Thị Hiệp	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2018)
Ông Vương Quang Diệu	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2018)
Ông Hồ Văn Tuyên	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2018)
Bà Trần Duy Kiều	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2018)
Bà Trần Thị Minh Trang	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2018)
Ông Hồ Thái Hà	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2018)
Ông Ngô Hữu Hoàn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2018)
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2018)

#### **Ban Kiểm soát**

Ông Vương Quang Diệu	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2018)
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2018)
Bà Phạm Thị Đăng Thơ	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2018)

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Vương Quang Diệu	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2018)
Ông Ngô Hữu Hoàn	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2018)
Bà Trần Thị Minh Trang	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2018 và miễn nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2018)
Ông Nguyễn Minh Thư	Phó Tổng Giám đốc dự án (bổ nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2018)
Ông Lê Hữu Trung	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2018)
Ông Vương Quang Hào	Phó Tổng Giám đốc kinh doanh
Ông Đoàn Hải Nam	Phó Tổng Giám đốc kinh doanh (bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2018)

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Vương Quang Diệu**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 20 tháng 3 năm 2019

500-  
NHÀ  
NG  
HỆM  
ĐIT  
T N.  
P.H

1/2/2019



Số: *143* /VN1A-HC-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thiên Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thiên Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2019, từ trang 4 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



*[Signature]*  
**Võ Thái Hòa**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0138-2018-001-1  
**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DELOITTE**  
**VIỆT NAM**  
Ngày 20 tháng 3 năm 2019  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

*[Signature]*

**Bùi Quốc Anh**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2133-2018-001-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.463.696.373.919</b>	<b>1.162.318.477.352</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>25.998.700.336</b>	<b>17.270.068.013</b>
1. Tiền	111		7.697.997.699	13.736.068.013
2. Các khoản tương đương tiền	112		18.300.702.637	3.534.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>522.440.469.549</b>	<b>416.396.776.886</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	394.431.009.924	190.523.953.739
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	45.504.374.285	108.082.092.744
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	82.505.085.340	117.790.730.403
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>904.107.061.903</b>	<b>728.557.719.614</b>
1. Hàng tồn kho	141		929.614.957.467	728.557.719.614
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(25.507.895.564)	-
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>11.150.142.131</b>	<b>93.912.839</b>
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.781.808.328	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	9	368.333.803	93.912.839
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>294.985.938.803</b>	<b>181.996.352.221</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.744.800.000</b>	<b>5.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	1.744.800.000	5.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>46.580.774.118</b>	<b>42.617.039.157</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	19.616.012.299	15.612.277.342
- Nguyên giá	222		41.990.674.428	36.764.594.167
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.374.662.129)	(21.152.316.825)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	26.964.761.819	27.004.761.815
- Nguyên giá	228		28.226.468.417	28.226.468.417
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.261.706.598)	(1.221.706.602)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>12</b>	<b>82.136.938.979</b>	<b>86.374.432.292</b>
- Nguyên giá	231		106.202.325.022	106.202.325.022
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(24.065.386.043)	(19.827.892.730)
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>164.289.705.098</b>	<b>52.800.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	13	44.980.000.000	2.800.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	14	119.700.000.000	50.000.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	14	(390.294.902)	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>233.720.608</b>	<b>199.880.772</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		233.720.608	199.880.772
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.758.682.312.722</b>	<b>1.344.314.829.573</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.325.006.577.125</b>	<b>935.397.946.165</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.270.014.637.125</b>	<b>873.454.906.165</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	264.657.884.129	99.671.164.443
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	45.151.095.253	6.762.311.723
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	9	7.115.323	10.746.777.755
4. Phải trả người lao động	314		3.317.362.007	21.884.111.387
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.725.601.169	1.258.759.203
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	1.173.898.100	352.755.000
7. Vay ngắn hạn	320	18	953.981.681.144	732.779.026.654
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>54.991.940.000</b>	<b>61.943.040.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	17	42.991.940.000	42.943.040.000
2. Vay dài hạn	338	19	12.000.000.000	19.000.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>433.675.735.597</b>	<b>408.916.883.408</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>433.675.735.597</b>	<b>408.916.883.408</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		301.272.960.000	125.921.670.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		301.272.960.000	125.921.670.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.144.353.637	9.264.443.637
3. Cổ phiếu quỹ	415		(11.978.525.300)	(11.978.525.300)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		31.763.082.105	136.111.305.853
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		108.473.865.155	149.597.989.218
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		46.795.761.074	64.411.025.753
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		61.678.104.081	85.186.963.465
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> <b>(440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1.758.682.312.722</b>	<b>1.344.314.829.573</b>

Nguyễn Thị Thu Hiền  
Người lập biểu

Phạm Thị Đăng Thơ  
Kế toán trưởng



Wương Quang Diệu  
Tổng Giám đốc  
Ngày 20 tháng 3 năm 2019

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>23</b>	<b>3.931.552.627.609</b>	<b>4.143.615.830.796</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	-	168.559.104
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>23</b>	<b>3.931.552.627.609</b>	<b>4.143.447.271.692</b>
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	3.790.168.026.695	3.897.796.640.739
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>141.384.600.914</b>	<b>245.650.630.953</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	7.583.301.162	6.193.637.332
7. Chi phí tài chính	22	27	51.487.579.976	54.050.513.911
- Trong đó: Chi phí lãi vay		23	48.526.657.971	53.935.801.306
8. Chi phí bán hàng	25	28	22.171.230.131	24.352.065.261
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	30.277.411.078	52.819.598.227
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))</b>	<b>30</b>		<b>45.031.680.891</b>	<b>120.622.090.886</b>
11. Thu nhập khác	31		29.670.627.789	2.100.495.550
12. Chi phí khác	32		69.823.572	1.641.370.783
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>29.600.804.217</b>	<b>459.124.767</b>
<b>14. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>74.632.485.108</b>	<b>121.081.215.653</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	12.954.381.027	23.647.039.188
<b>16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>	<b>60</b>		<b>61.678.104.081</b>	<b>97.434.176.465</b>



Nguyễn Thị Thu Hiền  
Người lập biểu



Phạm Thị Đăng Thơ  
Kế toán trưởng



Vương Quang Diệu  
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2019



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>74.632.485.108</b>	<b>121.081.215.653</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	8.155.515.499	8.231.785.575
Các khoản dự phòng	03	25.898.190.466	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(446.585.467)	(121.032.610)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(7.098.499.562)	(14.054.652.040)
Chi phí lãi vay	06	48.526.657.971	53.935.801.306
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>149.667.764.015</b>	<b>169.073.117.884</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	(118.188.935.101)	(156.940.211.155)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(201.057.237.853)	98.447.589.563
Thay đổi các khoản phải trả	11	177.652.934.755	(55.414.411.867)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(33.839.836)	(51.031.186)
Tiền lãi vay đã trả	14	(48.073.816.005)	(54.010.850.846)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(15.817.336.581)	(23.191.765.595)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	650.600.000	416.610.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(20.061.287.473)	(40.867.856.416)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(75.261.154.079)</b>	<b>(62.538.809.618)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(8.742.855.279)	(43.468.081.600)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	1.590.909.091	97.636.363.637
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(112.640.000.000)	(50.000.000.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	760.000.000	-
5. Tiền thu từ lãi tiền gửi, lợi nhuận được chia	27	7.189.897.600	4.674.939.829
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(111.842.048.588)</b>	<b>8.843.221.866</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	3.101.353.837.531	3.549.753.734.817
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.887.151.183.041)	(3.490.294.422.074)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(18.370.819.500)	(22.007.036.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>195.831.834.990</b>	<b>37.452.276.743</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>8.728.632.323</b>	<b>(16.243.311.009)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>17.270.068.013</b>	<b>33.512.832.181</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	546.841
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>25.998.700.336</b>	<b>17.270.068.013</b>

  
Nguyễn Thị Thu Hiền  
Người lập biểu

  
Phạm Thị Đăng Thơ  
Kế toán trưởng

  
Vương Quang Diệu  
Tổng Giám đốc  
Ngày 20 tháng 3 năm 2019

CÔNG TY  
THƯƠNG MẠI  
XUẤT NHẬP KHẨU  
THIÊN NAM  
(TENIMEX)  
QUẬN 10 - TP. HỒ CHÍ MINH

12  
G  
H  
A  
P  
T  
M  
I  
O



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thiên Nam (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần, được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Quận 10, theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0301172041 ngày 01 tháng 11 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty đang gửi hồ sơ lên Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh để cập nhật Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp để tăng vốn cổ phần lên thành 301.272.960.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã chứng khoán là TNA.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 64 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 61 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: mua bán, đại lý, ký gửi các mặt hàng công nghệ phẩm, lương thực, thực phẩm, vật tư thiết bị, phương tiện vận tải, rượu, nông sản, thủy hải sản, kim khí điện máy, vật liệu xây dựng, trang trí nội thất, phân bón, thuốc trừ sâu, vật tư, máy móc thiết bị, mỹ phẩm; đại lý ký gửi hàng hóa; thu mua và chế biến hàng nông, thủy, hải sản xuất khẩu (không hoạt động tại trụ sở); cho thuê xe du lịch; mua bán sắt thép, kim loại phế liệu và dịch vụ phá dỡ tàu thuyền, ô tô cũ (không hoạt động tại trụ sở); mua bán xe ô tô; dịch vụ khai thuê hải quan; dịch vụ giao nhận hàng hóa; kinh doanh bất động sản.

**Chu kỳ kinh doanh thông thường**

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có các chi nhánh, các công ty con và công ty liên kết sau:

**Chi nhánh**

- Trung tâm Kinh doanh Sắt thép Thiên Nam - Chi nhánh Long An được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0301172041-003 ngày 08 tháng 3 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp.
- Trung tâm Kinh doanh Sắt thép Thiên Nam - Chi nhánh Bình Chánh được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0301172041-004 ngày 09 tháng 7 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Các công ty con**

- Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0306489067 ngày 15 tháng 3 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con là bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa; bán lẻ thực phẩm, đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Công ty Cổ phần Phát triển Kinh doanh Thương Mại Sài Gòn 168 được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0314760724 ngày 28 tháng 11 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty là phân phối sỉ ngành hàng điện máy.
- Công ty Cổ phần Đầu tư Giáo dục Thiên Nam được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0315160896 ngày 11 tháng 7 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hoạt động kinh doanh chính của công ty là phát triển dịch vụ liên quan đến giáo dục.



Công ty liên kết

Công ty có một Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Thương mại Phát triển Sài Gòn 268 được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2001265436 ngày 16 tháng 3 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty là kinh doanh bất động sản.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng này được lập để trình bày tình hình tài chính riêng và kết quả kinh doanh riêng cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty; vì thế, Công ty không thực hiện hợp nhất các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết trong báo cáo tài chính riêng. Chính sách kế toán đối với khoản đầu tư của Công ty được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 3 dưới đây.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt niên độ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



TRAC DI V



**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư vào công ty con và đầu tư vào công ty liên kết**

*Đầu tư vào công ty con*

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 ("Thông tư 89") của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc, thiết bị	4 - 15
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 7
Tài sản cố định khác	5

12500  
HÀNH  
CÔNG T  
NHỮNG  
LOIT  
ỆT NA  
TP.HỒ

11/01/2014 10:55 AM



Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất không có thời hạn, chi phí san lấp mặt bằng không có thời hạn và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không có thời hạn và chi phí san lấp mặt bằng không có thời hạn không tính khấu hao theo các quy định hiện hành. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

#### **Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà cửa, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm.

#### **Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh riêng của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí sửa chữa văn phòng, chi phí lắp đặt hệ thống xử lý nước thải tòa nhà và hệ thống camera an ninh.

Chi phí sửa chữa văn phòng và lắp đặt hệ thống xử lý hệ thống nước thải tòa nhà được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian là 60 tháng.

Chi phí lắp đặt hệ thống camera an ninh được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 24 tháng.

#### **Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### **Thuê hoạt động**

Doanh thu cho thuê hoạt động thể hiện phần doanh thu cho thuê cao ốc văn phòng. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

#### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.







**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	201.401.617	192.003.342
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.496.596.082	13.544.064.671
Các khoản tương đương tiền	18.300.702.637	3.534.000.000
	<b>25.998.700.336</b>	<b>17.270.068.013</b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất được hưởng từ 4,1%/năm đến 5,2%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 4,8%/năm).

Như trình bày tại Thuyết minh số 18, Công ty đã thế chấp một phần tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Phải thu các bên thứ ba</b>	<b>394.431.009.924</b>	<b>175.743.508.656</b>
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Thép Nguyễn Minh	104.878.948.742	114.748.363.816
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Nguyễn Minh	30.623.160.417	54.162.933.906
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	145.777.329.979	-
- Công ty TNHH sản xuất và thương mại Thép Tây Nam	72.262.285.260	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	40.889.285.526	6.832.210.934
<b>b. Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 32)</b>	<b>-</b>	<b>14.780.445.083</b>
	<b>394.431.009.924</b>	<b>190.523.953.739</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đã dùng một phần khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng (Thuyết minh số 18).

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Hưng Thịnh (*)	-	104.296.000.000
Bà Thái Thị Thu Trâm (**)	36.600.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	8.904.374.285	3.786.092.744
	<b>45.504.374.285</b>	<b>108.082.092.744</b>

(\*) Các khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Hưng Thịnh liên quan đến dự án Khu nhà ở Saigon Mystery Villas, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền 100.000.000.000 đồng và dự án Sentosa Villa, Mũi Né, Thành phố Phan Thiết với số tiền 4.296.000.000 đồng. Trong năm, các dự án này đã được hai bên thanh lý hợp đồng, không tiếp tục thực hiện và Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Hưng Thịnh đã hoàn trả số tiền trả trước cho Công ty.

(\*\*) Khoản trả trước cho Bà Thái Thị Thu Trâm liên quan đến tiền mua đất tại Xã Lal Uyên, Huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương.

100% CHỈ TÁCH ĐỀ VIẾT  
 C.P. \* \* \* \* \*

**7. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
- Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	4.058.290.800	4.852.929.313
- Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Hưng Thịnh (*)	-	100.000.000.000
- Lợi nhuận được chia từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh (**)	-	11.986.666.667
- Phải thu người lao động	358.913.390	47.000.000
- Ký quỹ mở L/C	39.465.204.584	-
- Phải thu từ cục thuế	11.786.805.882	-
- Bà Lê Thị Một (***)	23.400.000.000	-
- Phải thu khác	3.435.870.684	904.134.423
	<b>82.505.085.340</b>	<b>117.790.730.403</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
- Phải thu khác	1.744.800.000	5.000.000
	<b>1.744.800.000</b>	<b>5.000.000</b>

(\*) Thể hiện giá trị các khoản đầu tư với hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh phân chia lợi nhuận một khoản tiền cố định, không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Hưng Thịnh. Trong năm, Công ty đã tất toán tất cả các khoản đầu tư với hình thức hợp tác kinh doanh.

(\*\*) Trong năm, khoản lợi nhuận được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Hưng Thịnh đã được thu hồi.

(\*\*\*) Trong năm, Công ty đã trả trước cho Bà Lê Thị Một tiền mua đất tại Xã Lai Uyên, Huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương. Tuy nhiên, do các bên đã thống nhất hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên Bà Lê Thị Một sẽ hoàn trả khoản tiền ứng trước lại cho Công ty.

**8. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	191.463.565.809	(10.392.682.465)	3.008.337.236	-
Nguyên liệu, vật liệu	83.615.442.504	-	233.058.870.510	-
Hàng hoá	654.535.949.154	(15.115.213.099)	492.490.511.868	-
	<b>929.614.957.467</b>	<b>(25.507.895.564)</b>	<b>728.557.719.614</b>	-

Trong năm, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 25.507.895.564 đồng (năm 2017: Không đồng) do giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đã sử dụng một phần hàng tồn kho để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng (Thuyết minh số 18).

2500  
NHÀ  
NG T  
HỆM HỘ  
OITI  
T NAM  
P.HỒ C

18/03/2019

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Tăng trong năm VND	Truy thu thuế các năm trước VND	Giảm trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	7.989.458.686	23.538.717.452	-	(31.521.689.855)	6.486.283
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	84.019.655.700	-	(84.019.655.700)	-
Thuế xuất nhập khẩu	(93.912.839)	1.252.548.190	-	(1.158.635.351)	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	5.165.869	-	(5.165.869)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.484.750.291	12.954.381.027	9.871.460	(15.817.336.581)	(368.333.803)
Thuế thu nhập cá nhân	272.568.778	7.398.021.048	-	(7.669.960.786)	629.040
Tiền thuế đất	-	4.145.138.043	-	(4.145.138.043)	-
Các loại thuế khác	-	3.500.000	-	(3.500.000)	-
	<b>10.652.864.916</b>	<b>133.317.127.329</b>	<b>9.871.460</b>	<b>(144.341.082.185)</b>	<b>(361.218.480)</b>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước</i>	<u>93.912.839</u>				<u>368.333.803</u>
<i>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</i>	<u>10.746.777.755</u>				<u>7.115.323</u>









**13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về khoản đầu tư vào công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Giá trị VND	Hoạt động chính
Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	51%	51%	2.040.000.000	Bán buôn sản phẩm, thực phẩm công nghệ
Công ty Cổ phần Phát triển Kinh doanh Thương mại Sài Gòn 168	Thành phố Hồ Chí Minh	75%	75%	37.500.000.000	Phân phối si ngành hàng điện máy
Công ty Cổ phần đầu tư Giáo dục Thiên Nam (*)	Thành phố Hồ Chí Minh	68%	68%	5.440.000.000	Phát triển dịch vụ liên quan đến giáo dục
				<b>44.980.000.000</b>	

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 11/2018/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 3 năm 2018, Công ty đã chuyển nhượng 19% tương đương 760.000.000 đồng vốn góp ở Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam cho Ông Nguyễn Phan Bảo Anh kể từ ngày 26 tháng 3 năm 2018.

Trong năm, Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam có lợi nhuận nên theo quy định của Thông tư số 89, Công ty không cần trích dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư này.

Trong năm, Công ty Cổ phần Phát triển Kinh doanh Thương mại Sài Gòn 168 và Công ty Cổ phần Đầu tư Giáo dục Thiên Nam bị lỗ. Tuy nhiên, Công ty không trích dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư này do Ban Tổng Giám đốc đánh giá khoản dự phòng là không đáng kể.

(\*) Công ty Cổ phần đầu tư Giáo dục Thiên Nam có vốn điều lệ theo đăng ký là 80.000.000.000 đồng. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2018, các bên chưa góp đủ số vốn theo cam kết.

**14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

Thông tin chi tiết về khoản đầu tư vào công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Giá trị VND	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Thương mại Phát triển Sài Gòn 268	Tỉnh Cà Mau	22,5%	22,5%	119.700.000.000	Kinh doanh bất động sản

Trong năm, Công ty Cổ phần Thương mại Phát triển Sài Gòn 268 bị lỗ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đã trích dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư này với số tiền 390.294.902 đồng.

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Metal One Corporation	-	-	88.089.675.336	88.089.675.336
Smart Timing Steel Limited	196.949.559.269	196.949.559.269	-	-
Các nhà cung cấp khác	67.708.324.860	67.708.324.860	11.581.489.107	11.581.489.107
	<b>264.657.884.129</b>	<b>264.657.884.129</b>	<b>99.671.164.443</b>	<b>99.671.164.443</b>

**16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản trả trước từ các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	21.315.763.070	-
Ông Nguyễn Tuấn Hòa (*)	15.000.000.000	-
Các khách hàng khác	8.835.332.183	6.762.311.723
	<b>45.151.095.253</b>	<b>6.762.311.723</b>

(\*) Khoản trả tiền trước của Ông Nguyễn Tuấn Hòa là khoản đặt cọc và cam kết nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho các thửa đất tọa lạc tại Xã Lai Uyên, Huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương.

**17. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	228.295.000	194.745.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	8.010.000	8.010.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	937.593.100	150.000.000
	<b>1.173.898.100</b>	<b>352.755.000</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	42.991.940.000	42.943.040.000
	<b>42.991.940.000</b>	<b>42.943.040.000</b>

(\*) Thể hiện các khoản ký quỹ, ký cược nhận được từ việc cho thuê các cao ốc văn phòng với kỳ hạn trên 12 tháng.

**18. VAY NGẮN HẠN**

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND		Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	
Các khoản vay ngắn hạn	725.779.026.654	3.101.353.837.531	(2.880.151.183.041)		946.981.681.144	
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình	97.200.000.000	34.950.000.000	(132.150.000.000)		-	
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 10, Thành phố Hồ Chí Minh	301.885.766.437	1.203.414.566.364	(1.157.289.517.762)		348.010.815.039	
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	239.530.598.324	988.985.206.692	(936.391.368.241)		292.124.436.775	
- Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	35.002.009.893	121.874.792.596	(156.876.802.489)		-	
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	49.760.652.000	282.740.609.117	(182.723.583.975)		149.777.677.142	
- Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	-	48.186.987.800	-		48.186.987.800	
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành	-	402.300.545.742	(302.418.781.354)		99.881.764.388	
- Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	2.400.000.000	9.901.129.220	(12.301.129.220)		-	
- Vay ngắn hạn khác	-	9.000.000.000	-		9.000.000.000	
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 19)	7.000.000.000	7.000.000.000	(7.000.000.000)		7.000.000.000	
	<b>732.779.026.654</b>	<b>3.108.353.837.531</b>	<b>(2.887.151.183.041)</b>		<b>953.981.681.144</b>	

002-C  
NH  
TY  
THƯƠNG  
TE  
CH

T  
N  
K  
V  
B



Các khoản vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay bằng Đồng Việt Nam từ các ngân hàng thương mại và cá nhân với lãi suất theo mức lãi suất thông báo bởi ngân hàng tại ngày giải ngân. Các khoản vay ngắn hạn nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động và bảo lãnh mở LC để đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản vay ngắn hạn này được đảm bảo bằng giá trị các khoản tiền gửi ngân hàng, khoản phải thu, hàng tồn kho luân chuyển, nhà cửa, vật kiến trúc, quyền sử dụng đất và bất động sản đầu tư như trình bày tại Thuyết minh số 4, 5, 8, 10, 11 và 12 hoặc không có tài sản bảo đảm.

**19. VAY DÀI HẠN**

	Số đầu năm	Trong năm		Số cuối năm
	Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị
	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 10, Thành phố Hồ Chí Minh	26.000.000.000	-	(7.000.000.000)	19.000.000.000
	<b>26.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>(7.000.000.000)</b>	<b>19.000.000.000</b>
Trong đó:				
- Số phải trả trong vòng 12 tháng	7.000.000.000			7.000.000.000
- Số phải trả sau 12 tháng	19.000.000.000			12.000.000.000

Vay dài hạn thể hiện khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 10, Thành phố Hồ Chí Minh để thanh toán cho các chi phí đầu tư dự án của hàng kinh doanh và văn phòng với lãi suất thả nổi được điều chỉnh theo thông báo của ngân hàng tại từng thời kỳ, thời hạn vay 90 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất thuê và tài sản hình thành trong tương lai tại 277B Cách Mạng Tháng Tám, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	7.000.000.000	7.000.000.000
Trong năm thứ hai	7.000.000.000	7.000.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	5.000.000.000	12.000.000.000
	<b>19.000.000.000</b>	<b>26.000.000.000</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn - Thuyết minh số 18)	(7.000.000.000)	(7.000.000.000)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>12.000.000.000</b>	<b>19.000.000.000</b>

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Chi tiết về mệnh giá cổ phiếu và số cổ phiếu của Công ty như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.127.296	12.592.167
Số lượng cổ phiếu quỹ	(344.954)	(344.954)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<b>29.782.342</b>	<b>12.247.213</b>

Công ty chỉ có một loại cổ phiếu phổ thông không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phiếu. Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phiếu đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết thay đổi về vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	101.047.770.000	34.138.343.637	(11.978.525.300)	97.149.424.300	150.371.586.627	370.728.599.264
Tăng vốn trong năm	24.873.900.000	(24.873.900.000)	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	97.434.176.465	97.434.176.465
Trích lập các quỹ	-	-	-	38.961.881.553	(38.961.881.553)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(33.395.898.474)	(33.395.898.474)
Trích quỹ hoạt động Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	(3.339.589.847)	(3.339.589.847)
Cổ tức được chia	-	-	-	-	(22.007.036.000)	(22.007.036.000)
Trích quỹ tham gia công tác xã hội	-	-	-	-	(503.368.000)	(503.368.000)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>125.921.670.000</b>	<b>9.264.443.637</b>	<b>(11.978.525.300)</b>	<b>136.111.305.853</b>	<b>149.597.989.218</b>	<b>408.916.883.408</b>
Tăng vốn trong năm (1)	175.351.290.000	(5.120.090.000)	-	(139.053.508.956)	(31.177.691.044)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	61.678.104.081	61.678.104.081
Phân phối quỹ (2)	-	-	-	34.705.285.208	(34.705.285.208)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (2)	-	-	-	-	(11.898.954.928)	(11.898.954.928)
Trích quỹ hoạt động Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát (2)	-	-	-	-	(5.949.477.464)	(5.949.477.464)
Cổ tức được chia (3)	-	-	-	-	(18.370.819.500)	(18.370.819.500)
Trích quỹ tham gia công tác xã hội (2)	-	-	-	-	(700.000.000)	(700.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>301.272.960.000</b>	<b>4.144.353.637</b>	<b>(11.978.525.300)</b>	<b>31.763.082.105</b>	<b>108.473.865.155</b>	<b>433.675.735.597</b>

(1) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 24 tháng 3 năm 2018, Công ty đã thông qua việc phát hành cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu, người lao động và cổ đông chiến lược. Trong năm, Công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu và người lao động với tổng số cổ phiếu là 17.535.129 từ nguồn thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư và phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối; trong đó 512.009 cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn người lao động. Số lượng cổ phiếu của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 30.127.296 cổ phiếu. Trong năm, Công ty chưa thực hiện việc phát hành cổ phiếu cho các cổ đông chiến lược.

(2) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 24 tháng 3 năm 2018, Công ty đã phê duyệt việc trích lập các quỹ trong năm bao gồm số trích lập bổ sung Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ hoạt động Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và trích lập quỹ tham gia công tác xã hội từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2017.

(3) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 24 tháng 3 năm 2018, Công ty đã công bố chia cổ tức năm 2017 cho các cổ đông từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2017 với số tiền là 30.618.032.500 đồng (trong đó, 12.247.213.000 đồng cổ tức đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2017). Trong năm, Công ty đã chi trả cổ tức với số tiền là 18.370.819.500 đồng.



**21. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

**Ngoại tệ**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ ("USD")	-	715,95

**22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là thương mại, dịch vụ, mua bán sắt thép. Các hoạt động sản xuất kinh doanh khác của Công ty như ủy thác xuất nhập khẩu; kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng, mặt bằng... chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty trong năm (chiếm tỷ trọng khoảng 3% tổng doanh thu) cũng như các niên độ kế toán trước (chiếm tỷ trọng khoảng 3% tổng doanh thu), theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các năm trước đều liên quan đến hoạt động kinh doanh chính. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Doanh thu của Công ty có được là do phần lớn bán hàng hóa trong nội địa trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và các năm trước. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**23. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
- Doanh thu bán hàng hóa	3.187.134.436.667	3.200.594.053.794
- Doanh thu thành phẩm đã bán	687.875.598.433	823.767.115.200
- Doanh thu bất động sản đầu tư	33.849.059.049	34.621.601.170
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	-	38.431.272.727
- Doanh thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	16.817.508.333	40.632.166.667
- Doanh thu dịch vụ khác	5.876.025.127	5.569.621.238
	<b>3.931.552.627.609</b>	<b>4.143.615.830.796</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
- Hàng bán bị trả lại	-	168.559.104
	<b>3.931.552.627.609</b>	<b>4.143.447.271.692</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Trong đó		
- Doanh thu với các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	38.947.529.577	72.435.134.385

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.099.147.461.361	3.066.096.211.004
Giá vốn của thành phẩm đã bán	658.559.171.974	789.984.450.643
Giá vốn của bất động sản đầu tư	6.953.497.796	11.400.979.092
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	-	30.315.000.000
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	25.507.895.564	-
	<b>3.790.168.026.695</b>	<b>3.897.796.640.739</b>

2500-0  
 NHÂN  
 NG T'  
 HIỆM H  
 OIT'  
 T NAI  
 TP. HỒ

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	648.051.698.511	776.303.769.543
Chi phí nhân công	25.270.395.089	52.709.492.477
Chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	8.155.515.499	8.231.785.575
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.227.321.223	30.498.098.333
Chi phí khác bằng tiền	8.043.154.312	10.801.976.041
	<b>723.748.084.634</b>	<b>878.545.121.969</b>

**26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi từ tiền gửi ngân hàng	1.571.767.018	582.898.087
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.028.051.202	609.435.745
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.058.290.800	4.852.929.313
Thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần	798.597.985	-
Lãi chậm thanh toán	126.594.157	148.374.187
	<b>7.583.301.162</b>	<b>6.193.637.332</b>

**27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	48.526.657.971	53.935.801.306
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.570.627.103	114.712.605
Dự phòng đầu tư vào công ty liên kết	390.294.902	-
	<b>51.487.579.976</b>	<b>54.050.513.911</b>

**28. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	6.394.578.962	5.637.019.166
Chi phí vật liệu, bao bì	247.902.526	76.082.997
Chi phí khấu hao tài sản cố định	665.263.356	742.809.996
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.190.561.821	15.399.936.758
- Chi phí tiện ích	2.961.161.930	2.859.598.568
- Chi phí vận chuyển, bốc xếp hàng	6.545.514.152	6.447.679.778
- Chi phí thuê kho, bảo trì	3.683.885.739	4.541.208.619
- Chi phí dịch vụ ngân hàng	-	1.551.449.793
Chi phí khác bằng tiền	1.672.923.466	2.496.216.344
	<b>22.171.230.131</b>	<b>24.352.065.261</b>

**29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	18.875.816.127	47.072.473.311
Chi phí vật liệu, bao bì	381.218.060	324.084.626
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.185.562.220	1.140.225.405
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.539.892.273	1.017.312.852
Chi phí khác bằng tiền	2.294.922.398	3.265.502.033
	<b>30.277.411.078</b>	<b>52.819.598.227</b>





**30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	74.632.485.108	121.081.215.653
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>404.505.906</i>	<i>2.006.909.602</i>
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	<i>(10.265.085.879)</i>	<i>(4.852.929.313)</i>
Thu nhập tính thuế	64.771.905.135	118.235.195.942
Thuế suất thông thường	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>12.954.381.027</b>	<b>23.647.039.188</b>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có khoản chênh lệch tạm thời đáng kể nào giữa giá trị sổ sách của tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính riêng và cơ sở tính thuế thu nhập tương ứng.

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 và số 19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, cổ phiếu quỹ, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản vay	965.981.681.144	751.779.026.654
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(25.998.700.336)	(17.270.068.013)
Nợ thuần	939.982.980.808	734.508.958.641
Vốn chủ sở hữu	433.675.735.597	408.916.883.408
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>2,17</b>	<b>1,80</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.998.700.336	17.270.068.013
Phải thu khách hàng và phải thu khác	478.321.981.874	308.272.684.142
	<b>504.320.682.210</b>	<b>325.542.752.155</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	965.981.681.144	751.779.026.654
Phải trả người bán và phải trả khác	308.823.722.229	142.966.959.443
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.725.601.169	1.258.759.203
	<b>1.276.531.004.542</b>	<b>896.004.745.300</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

#### **Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

#### **Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

##### *Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

##### *Độ nhạy của lãi suất*

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 sẽ giảm/(tăng) 19.319.633.623 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017: 15.035.580.533 đồng).

##### *Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để bán lại cho các khách hàng trong nước. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa.

#### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu từ công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Thép Nguyễn Minh, Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Nguyễn Minh và Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen như trình bày tại Thuyết minh số 5. Công ty có chính sách quản lý công nợ hiệu quả. Do đó, Công ty đánh giá rủi ro tín dụng là không đáng kể.

#### **Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.



Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
<b>Số cuối năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.998.700.336	-	-	25.998.700.336
Phải thu khách hàng và phải thu khác	476.577.181.874	1.744.800.000	-	478.321.981.874
	<b>502.575.882.210</b>	<b>1.744.800.000</b>	<b>-</b>	<b>504.320.682.210</b>
Các khoản vay	953.981.681.144	12.000.000.000	-	965.981.681.144
Phải trả người bán và phải trả khác	265.831.782.229	4.991.940.000	38.000.000.000	308.823.722.229
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.725.601.169	-	-	1.725.601.169
	<b>1.221.539.064.542</b>	<b>16.991.940.000</b>	<b>38.000.000.000</b>	<b>1.276.531.004.542</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(718.963.182.332)</b>	<b>(15.247.140.000)</b>	<b>(38.000.000.000)</b>	<b>(772.210.322.332)</b>
	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.270.068.013	-	-	17.270.068.013
Phải thu khách hàng và phải thu khác	308.267.684.142	5.000.000	-	308.272.684.142
	<b>325.537.752.155</b>	<b>5.000.000</b>	<b>-</b>	<b>325.542.752.155</b>
Các khoản vay	732.779.026.654	19.000.000.000	-	751.779.026.654
Phải trả người bán và phải trả khác	100.023.919.443	4.943.040.000	38.000.000.000	142.966.959.443
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.258.759.203	-	-	1.258.759.203
	<b>834.061.705.300</b>	<b>23.943.040.000</b>	<b>38.000.000.000</b>	<b>896.004.745.300</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(508.523.953.145)</b>	<b>(23.938.040.000)</b>	<b>(38.000.000.000)</b>	<b>(570.461.993.145)</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng phần doanh thu phát sinh dựa trên các đơn hàng và hàng tồn kho của Công ty được luân chuyển nhanh giúp Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền cho hoạt động kinh doanh và duy trì mức độ hợp lý các khoản vay để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Phát triển Kinh doanh Thương mại Sài Gòn 168	Công ty con
Công ty Cổ phần đầu tư Giáo dục Thiên Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Thương mại Phát triển Sài Gòn 268	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Thiên Nam Hòa	Cung ban lãnh đạo

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam	10.092.788.171	54.914.186.247
Công ty Cổ phần Phát triển Kinh doanh Thương mại Sài Gòn 168	11.357.023.590	-
Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Thiên Nam Hòa	17.440.837.816	17.520.948.138
Công ty Cổ phần đầu tư Giáo dục Thiên Nam	56.880.000	-
	<b>38.947.529.577</b>	<b>72.435.134.385</b>
<b>Góp vốn</b>		
Công ty Cổ phần Thương mại Phát triển Sài Gòn 268	69.700.000.000	50.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Kinh doanh Thương mại Sài Gòn 168	37.500.000.000	-
Công ty Cổ phần đầu tư Giáo dục Thiên Nam	5.440.000.000	-
	<b>112.640.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>
<b>Chuyển nhượng vốn góp tại</b>		
Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam	760.000.000	-

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thù lao	20.474.904.760	17.712.095.000
Phụ cấp	1.076.802.000	605.283.200

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Phải thu khách hàng</b>		
Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam	-	14.780.445.083
<b>Ứng trước từ khách hàng</b>		
Công ty Cổ phần Phát triển Kinh doanh Thương mại Sài Gòn 168	21.315.763.070	-
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>		
Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam	4.058.290.800	4.852.929.313

002-C  
 NH  
 TY  
 THƯƠNG  
 MẠI  
 THIÊN  
 NAM  
 CHỨNG  
 CHẤM



**33. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm 1.491.001.168 đồng, là số tiền lãi vay phát sinh trong năm nhưng chưa được thanh toán. Tuy nhiên, tiền lãi vay đã trả trong năm đã bao gồm 1.038.159.202 đồng là số tiền lãi của năm trước đã trả trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền thu từ cổ tức được chia và lãi tiền gửi trong năm không bao gồm 4.110.064.316 đồng, là số cổ tức được chia và lãi tiền gửi phát sinh trong năm nhưng chưa thu được. Tuy nhiên, tiền thu từ cổ tức được chia và lãi tiền gửi trong năm đã bao gồm 4.871.306.113 đồng là số tiền cổ tức được chia và lãi tiền gửi phát sinh của năm trước thu được trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản tiền thu.



**Nguyễn Thị Thu Hiền**  
Người lập biểu



**Phạm Thị Đăng Thơ**  
Kế toán trưởng



**Vương Quang Diệu**  
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2019

